

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3536/2022/DS-ST

Ngày: 16/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 462/2022/TLST-DS ngày 06/6/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5270/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 6067/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1987

Địa chỉ thường trú: 128/5/15 Đường H, khu phố U, phường B, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: 60/21/16 Đường H, khu phố F, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Lương Anh K, sinh năm: 1992

Địa chỉ: 56/12/29 đường L, tổ J, khu phố K, phường Đ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người làm chứng*: Ngô Quốc D, sinh năm 1998

Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Tây, xã Thanh Nhựt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ tạm trú: 22/23F Đường G, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T khởi kiện cho rằng, do có quan hệ quen biết, ngày 03/05/2021 ông Nguyễn Lương Anh K có gọi điện thoại, nhắn tin cho bà Thu yêu cầu được vay tiền để chi trả cho công việc làm ăn. Đề nghị vay tiền có trả lãi của ông Kiệt được bà Thu đồng ý, theo thỏa thuận của hai bên ngày 04/05/2021 bà Trần Thị Mộng T chuyển tiền qua tài khoản cá nhân cho ông Nguyễn Lương Anh K vay số tiền 80.000.000 đồng, ngày 06/05/2021 chuyển thêm số tiền 60.000.000 đồng và ngày 19/05/2021 bà Thu chuyển thêm số tiền 52.900.000 đồng. Ngày 02/07/2021, bà Trần Thị Mộng T có nhờ ông Ngô Quốc D chuyển qua tài khoản ngân hàng cho ông Nguyễn Lương Anh K số tiền 50.000.000 đồng, sau đó bà Thu đã chuyển trả lại cho ông Danh. Tổng số tiền bà Thu chuyển cho ông Nguyễn Lương Anh K mượn là 242.900.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu chín trăm ngàn đồng chẵn), việc bà Thu cho ông Kiệt vay tiền bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng đã được Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín xác nhận qua 03 giấy Ủy nhiệm chi xác nhận giao dịch các ngày là 04/5/2021, ngày 06/5/2021 và ngày 19/5/2021. Tại thời điểm mượn tiền ông Nguyễn Lương Anh K có hứa sẽ trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 242.900.000 đồng cho bà Thu chậm nhất 03 tháng kể từ ngày mượn (tính từ ngày sau cùng chuyển tiền là ngày 02/7/2021 đến ngày 02/10/2021) và trả tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm. Tuy nhiên, cho đến nay ông Nguyễn Lương Anh K vẫn chưa trả tiền nợ gốc cũng như tiền lãi như đã hứa, ông Kiệt luôn trốn tránh không có thiện chí trả nợ, thậm chí chặn số điện thoại khi bà Thu nhắc đòi lại tiền, việc ông Kiệt cố tình mượn tiền đến hạn không trả là hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp và gây ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính của bà Thu. Do vậy, bà Trần Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Lương Anh K phải trả lại số tiền nợ gốc đã mượn là 242.900.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/10/2021 đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án là ngày 16/9/2022 là 10 tháng 14 ngày trên mức lãi suất 10%/năm với số tiền lãi là 21.101.532 đồng.

(2) Tại bản tự khai ngày 12/7/2022, người làm chứng ông Ngô Quốc D trình bày: Ngày 02/7/2021 khoản 13 giờ 45 phút, ông Danh có chuyển giúp bà Trần Thị Mộng T số tiền 50.000.000 đồng cho ông Nguyễn Lương Anh K qua tài khoản ngân hàng qua số

tài khoản 1080101764009 Ngân hàng MB Bank (ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội chi nhánh Bắc Sài Gòn). Sau đó bà Trần Thị Mộng T đã trả lại cho ông Ngô Quốc D số tiền 50.000.000 đồng tiền mặt. Ông Ngô Quốc D đề nghị Tòa án xem xét không đưa ông Danh vào tham gia vụ án, vì sự việc đã xong, ông Danh chỉ là người được bà Thu nhờ chuyển giúp tiền, đồng ý làm chứng có sự việc này. Ông Ngô Quốc D có đơn yêu cầu được vắng mặt trong các phiên tòa giải quyết vụ kiện.

(3) Bị đơn ông Nguyễn Lương Anh K không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt trong các buổi làm việc và trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn ông Nguyễn Lương Anh K tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo đúng quy định.

(4) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Người làm chứng ông Ngô Quốc D có đề xin được vắng mặt, giữ nguyên lời khai như trên. Bị đơn ông Nguyễn Lương Anh K có mặt tại phiên tòa, ông Kiệt trình bày: Vào khoảng thời gian là tháng 5 năm 2021, có vay tiền của bà Trần Thị Mộng T tổng số tiền là 242.900.000 đồng, thông qua các lần chuyển khoản cụ thể là: Lần một vào ngày 04/5/2021 bà Thu chuyển khoản cho ông Kiệt mượn số tiền là 80.000.000 đồng, là thứ hai là ngày 06/5/2021 chuyển thêm số tiền là 50.000.000 đồng, lần thứ ba chuyển tiếp số tiền 52.900.000 đồng và lần thứ tư chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 02/7/2021. Việc vay mượn tiền giữa hai bên trao đổi qua điện thoại với mức lãi suất thỏa thuận là 06%/tháng, ông Kiệt khai báo là có hóa đơn trả lãi tháng đầu, tuy nhiên không cung cấp hóa đơn cho Tòa án. Sau khi trả lãi tháng đầu tiên, bà Thu vẫn để cho ông Kiệt tiếp tục vay. Bà Thu yêu cầu ông Kiệt phải trả lại số tiền nợ gốc (thu hồi nợ gốc) vào khoảng thời gian sau 03 tháng, kể từ ngày trả tiền lãi tháng đầu tiên, nhưng do dịch bệnh, ông Kiệt thất nghiệp không có thu nhập nên không có tiền để trả lại số nợ trên cho bà Trần Thị Mộng T. Sau khi hết dịch thì ông Kiệt phải đi tìm việc nhiều nơi, thay đổi nhiều nơi ở nên gia đình không liên lạc được. Ông Kiệt đề nghị Tòa án và bà Thu cho ông Kiệt thời gian để trả dần số tiền trên và yêu cầu không tính lãi trong thời gian vừa qua. Ngoài ra ông Kiệt không có yêu cầu gì thêm.

(5) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228

của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, áp dụng Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà Trần Thị Mộng T với ông Nguyễn Lương Anh K phát sinh tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Nguyễn Lương Anh K có đăng ký thường trú và thực tế đang cư trú tại căn nhà số 56/12/29 đường L, tổ J, khu phố K, phường Đ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T có đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên, Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định của Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Người làm chứng ông Ngô Quốc D có đơn xin được vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bà Trần Thị Mộng T cho cho ông Nguyễn Lương Anh K vay tổng số tiền 242.900.000 đồng, việc bà Thu giao tiền cho ông Kiệt vay bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, được chứng minh các chứng từ xác nhận giao dịch của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín các ngày 04/5/2021, ngày 06/5/2021 và ngày 19/5/2021, thông báo giao dịch điện tử ngày 02/7/2021 đã được xác thực giao dịch theo sổ hạch toán chi tiết tài khoản của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – chi nhánh Bắc Sài Gòn. Mục đích ông Nguyễn Lương Anh K vay tiền là để đầu tư vốn kinh doanh, thời hạn vay các bên không có thỏa thuận cụ thể. Tuy nhiên, nguyên đơn xác định thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày chuyển tiền cuối cùng là ngày 02/7/2021, nghĩa là thời hạn trả nợ là ngày 02/10/2021, điều này phù hợp với lời khai của ông Kiệt tại phiên tòa về việc bà Thu yêu cầu thu hồi nợ gốc sau 03 tháng kể từ lần đóng tiền lãi tháng đầu tiên. Hai bên thừa

nhận việc cho mượn tiền giữa hai bên có thỏa thuận trả lãi, nhưng mức lãi suất giữa hai bên nêu ra là không thống nhất. Tuy nhiên, việc nguyên yêu cầu áp dụng mức lãi suất 10%/năm là thấp hơn mức lãi suất mà bị đơn đưa ra là 06%/tháng, việc áp dụng mức lãi suất 10%/năm là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội Đồng xét xử chấp nhận. Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa hai bên có quan hệ vay tài sản, loại hợp đồng vay tài sản là tiền có thời hạn trả nợ và có thỏa thuận trả lãi, bên vay tiền có nghĩa vụ trả đủ tiền đã vay và tiền lãi khi đến hạn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận, mà ông Nguyễn Lương Anh K không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Lương Anh K trả lại số tiền nợ gốc đã vay là 242.900.000 đồng là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T về việc không yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Lương Anh K trả tiền lãi trong hạn từ ngày cho vay đến ngày 01/7/2021. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 02/7/2021 đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 16/9/2022) là 10 tháng 14 ngày, trên số nợ gốc 242.900.000 đồng, theo mức lãi suất 10%/năm, với số tiền lãi yêu cầu phải trả là 21.101.532 đồng, là hợp lý và có cơ sở. Nhận thấy, yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Lương Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị Mộng T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Lương Anh Kiệt phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mộng T tổng số tiền là 264.001.532 đồng (trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 242.900.000 đồng và tiền nợ lãi là 21.101.532 đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Mộng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Lương Anh K không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng ông Kiệt còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 13.200.077 đồng buộc ông Nguyễn Lương Anh K phải nộp theo quy định.

Trả lại cho bà Trần Thị Mộng T số tiền tạm ứng án phí 6.678.300 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0027605 ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA